TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - hạnh phúc**

Bản án số: 336/2022/HC-PT
Ngày: 05/8/2022
V/v hủy văn bản trả lời đơn và yêu cầu lập phương án bồi thường, hỗ trợ

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Tuyển;

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Sơn;

Ông Phùng Hải Hiệp.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đào Thanh Huyền, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội: Ông Lê Đỗ Quyên Kiểm sát viên cao cấp tham gia phiên tòa.

Ngày 05 tháng 8 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 313/2021/TLPT-HC ngày 20 tháng 9 năm 2021 về việc *"Hủy văn bản trả lời đơn và yêu cầu lập phương án bồi thường, hỗ trợ"*.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số: 05/2021/HC-ST ngày 03/3/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 8058/2022/QĐ-PT ngày 22 tháng 7 năm 2022 giữa các đương sự:

**** Người khởi kiện:*** Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1945; Địa chỉ: Thôn D, xã N, huyện T, tỉnh Bắc Ninh. Có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Bạch Hải Đ, sinh năm 1969; Địa chỉ: Thôn Đ, thị trấn L, huyện T, tỉnh Bắc Ninh. Có mặt.

**** Người bị kiện:***

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Bắc Ninh.

2. Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Bắc Ninh.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Công K - Phó chủ tịch. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

**** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:***

1. Bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1955; Địa chỉ: Thôn D, xã N, huyện T, tỉnh Bắc Ninh. Có mặt.

2. Ủy ban nhân dân xã N, huyện T, tỉnh Bắc Ninh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Bùi Hữu H - Chủ tịch. Vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Trung D - Phó chủ tịch. Vắng mặt.

3. Thôn D - Đại diện: Ông Lê Hồng G - Trưởng thôn D, xã N, huyện T, tỉnh Bắc Ninh. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện và quá trình tham gia tố tụng, người khởi kiện trình bày:*

Gia đình bà Nguyễn Thị H có phần đất ao diện tích khoảng 720m^2 cạnh đường tàu hỏa tại thôn D, xã N, huyện T, tỉnh Bắc Ninh. Nguồn gốc diện tích đất ao này là do ông cha để lại; gia đình bà sử dụng canh tác thả cá từ những năm 1953 đến nay không có tranh chấp với ai. Năm 1990, bà cho bà Nguyễn Thị C mượn để thả cá làm ăn kinh tế.

Cuối năm 2015, thực hiện dự án xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu nhà ở thôn D, Ủy ban nhân dân (UBND) huyện T đã có Quyết định số 462/QĐ-UBND ngày 11/12/2015 thu hồi diện tích đất ao trên của gia đình bà nhưng lại không lập phương án bồi thường, hỗ trợ khi thu hồi đất cho gia đình bà theo quy định pháp luật.

Trong khi đó, tại thôn D không chỉ có khu ao của gia đình bà mà còn có nhiều khu ao của những hộ gia đình khác đều thuộc diện thu hồi đất nhưng vẫn được xem xét bồi thường, hỗ trợ. Diện tích ao của gia đình bà đã sử dụng lâu đời, đủ điều kiện để được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (sau đây viết tắt là GCNQSD đất) nhưng lại không được UBND huyện T xem xét bồi thường.

Do không đồng ý với việc thu hồi đất trái pháp luật như vậy, bà đã có đơn khiếu nại gửi Chủ tịch UBND huyện T đề nghị xem xét giải quyết.

Ngày 22/6/2020, Chủ tịch UBND huyện T ban hành Công văn số 575/UBND-TNMT về việc trả lời kiến nghị của công dân, trong đó đã kết luận:

"...Thửa đất ao bà Nguyễn Thị H kiến nghị tại thôn D, xã N thuộc quyền quản lý của UBND xã N. Bà Nguyễn Thị H đề nghị được bồi thường khi nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án đất ở là không có cơ sở.

Đề nghị gia đình bà Nguyễn Thị H thực hiện Quyết định số 462/QĐ-UBND ngày 11/12/2015 của UBND huyện T về việc thu hồi đất thực hiện dự án xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu nhà ở thôn D, xã N thực hiện dự án theo quy định".

Bà khẳng định việc thu hồi đất và Công văn trả lời này của Chủ tịch UBND huyện T là trái quy định pháp luật, xâm phạm đến quyền lợi chính đáng của bà, vì:

- Phần diện tích khoảng 720m^2 đất ao được gia đình bà sử dụng ổn định, không có tranh chấp từ năm 1953 (trước năm 1990), tất cả mọi người trong thôn đều biết. Căn cứ theo pháp luật về đất đai thì gia đình bà đủ điều kiện để được cấp GCNQSD đất đối với phần đất ao này. Do đó, khi Nhà nước có chính sách, chủ trương thu hồi đất thì phải ra Quyết định thu hồi và bồi thường cho người sử dụng

đất đúng theo khung, giá bồi thường. Nhưng UBND huyện T không thực hiện bồi thường gây thiệt hại đến quyền và lợi ích của gia đình bà.

- Chủ tịch UBND huyện T trả lời khiếu nại của bà mà không ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại là vi phạm quy định của Luật khiếu nại nên phải hủy bỏ.

Nay bà H khởi kiện đề nghị:

1. Hủy Công văn số 575/UBND-TNMT ngày 22/6/2020 của Chủ tịch UBND huyện T, tỉnh Bắc Ninh về việc trả lời kiến nghị của công dân.

2. Yêu cầu UBND huyện T phải lập phương án bồi thường, hỗ trợ theo quy định của pháp luật đối với diện tích 720m^2 đất ao của gia đình bà.

** Người bị kiện trình bày:*

Chủ tịch UBND huyện T nhận được đơn của bà Nguyễn Thị H khiếu nại Công văn số 54/CV-TNMT ngày 08/6/2018 của Phòng tài nguyên và môi trường. Ngày 08/4/2019, căn cứ Luật tiếp công dân năm 2013, Chủ tịch UBND huyện đã chuyển đến cơ quan chuyên môn trả lời, giải quyết đơn của bà H.

Quá trình xác minh nhận thấy Công văn số 54/CV-TNMT là văn bản của cơ quan chuyên môn thuộc UBND huyện giải đáp, không phải là đối tượng giải quyết khiếu nại theo Luật khiếu nại năm 2011 nên Chủ tịch UBND huyện đã có văn bản giao Phòng tài nguyên và môi trường kiểm tra, xác minh, tham mưu Chủ tịch UBND huyện giải quyết khiếu nại.

Ngày 13/03/2020, Phòng tài nguyên và môi trường đã làm việc với bà H trình bày về nguồn gốc sử dụng đất và kiến nghị cấp có thẩm quyền giải quyết bồi thường khu đất ao theo quy định. Bà H trình bày gia đình bà có phần diện tích khoảng 720m^2 đất ao được ông cha để lại, sử dụng canh tác thả cá từ năm 1953 đến nay. Qua nhiều thời kỳ, gia đình vẫn sử dụng ổn định, không có tranh chấp. Thực hiện dự án thu hồi đất khu nhà ở thôn D có thu hồi và diện tích ao trên nhưng không được bồi thường, gia đình không đồng ý và đề nghị Hội đồng bồi thường giải phóng mặt bằng huyện T xem xét lại và bồi thường cho gia đình theo quy định hiện hành.

Quá trình xác minh thể hiện: Bản đồ năm 1978 phần diện tích đất có kiến nghị là một phần thửa số 167, tờ bản đồ số 02, diện tích 2.149m^2; Bản đồ năm 1990 phần diện tích đất kiến nghị là một phần thửa số 27, tờ bản đồ số 04; Bản đồ năm 2004 diện tích đất có kiến nghị nằm trong thửa số 54, tờ bản đồ số 15, diện tích 2.091m^2. Hồ sơ kỹ thuật thửa đất năm 2004 ghi chủ sử dụng đất là UBND xã N.

Năm 2013, Ban quản lý thôn D có cho hộ bà C là công dân thôn D thuê thầu để thả cá với thời hạn 05 năm theo hợp đồng kinh tế ngày 02/7/2013 có chữ ký xác nhận của các bên có liên quan. Sau khi có dự án đất ở ngày 01/7/2016, Ban quản lý thôn D đã có biên bản thanh lý hợp đồng thầu ao với gia đình bà C theo quy định.

Tại Biên bản làm việc ngày 13/3/2020, bà H không cung cấp được tài liệu

theo quy định của pháp luật chứng minh diện tích đất ao trên là của gia đình mình. Kiểm tra, xác minh tại thôn và xã thể hiện tại phiếu ý kiến khu dân cư lập ngày 04/5/2020 xác minh nguồn gốc và thời điểm sử dụng đất, những người hiểu biết về đất đai ở thôn đều cho rằng trước đây ông cha bà H có sử dụng khu vực ao ở "bãi chăn nuôi thôn D" (phần diện tích đất đang có kiến nghị) nhưng không xác định được thời điểm sử dụng đất ao của gia đình bà H và bà H không sử dụng đất ao. Tại biên bản làm việc ngày 27/4/2020 giữa Phòng tài nguyên và môi trường, Chủ tịch UBND xã N, cán bộ địa chính xã, cán bộ thuế xã và trưởng thôn D đã xác định nguồn gốc sử dụng đất ao của gia đình bà H kiến nghị là đất do tập thể quản lý, tại thời điểm thu hồi đất thì thôn D đang cho hộ khác thuê để thả cá.

Căn cứ Điều 22 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật đất đai thì phần đất đang có kiến nghị có nguồn gốc thuộc đất tập thể do UBND xã N quản lý, không có căn cứ xác định việc bà H sử dụng đất ổn định liên tục như ý kiến bà H đã nêu.

Căn cứ hồ sơ địa chính và các tài liệu có liên quan, căn cứ các Điều 22, 100, 101, 75 Luật đất đai 2013 thì bà H không đủ điều kiện để được bồi thường về đất khi Nhà nước thu hồi đất. Đề nghị Tòa án bác đơn khởi kiện của bà H.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là UBND xã N trình bày:* Thống nhất với các ý kiến của Chủ tịch UBND huyện T. Quá trình giải quyết vụ việc UBND xã đã kiểm tra các tài liệu nhưng không có sự thể hiện thửa đất ao này đứng tên gia đình bà H; gia đình bà H cũng chưa bao giờ kê khai thửa đất ao này. Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị C trình bày:* Năm 1990 bà có mượn của bà H 720m^2 đất ao để thả cá chăn nuôi, khi mượn chỉ nói miệng không có giấy tờ. Năm 2013 bà có ký với Ban quản lý thôn D hợp đồng kinh tế thuê thầu cá với thời hạn 05 năm. Đến năm 2016 bà có ký biên bản thanh lý hợp đồng thầu ao với thôn D và không nhận được tiền bồi thường hỗ trợ nào. Bà cho rằng 720m^2 đất ao đó thuộc của bà H và đề nghị xem xét cho bà H.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Trưởng thôn D trình bày:* Diện tích đất ao này chưa được cấp GCNQSD đất cho ai và do UBND xã N quản lý. Năm 2013, thôn đã có hợp đồng cho bà C thuê với thời hạn 05 năm để thả cá. Năm 2016, thôn có Biên bản thanh lý hợp đồng với bà C và đã đền bù cho bà C hoa lợi trên ao. Nay bà H không có giấy tờ chứng minh nguồn gốc đất nên đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 05/2021/HC-ST ngày 03/3/2021, Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh đã quyết định:

Căn cứ vào Điều 32; điểm a khoản 2 Điều 193 Luật Tố tụng hành chính; Căn cứ Luật đất đai 2013, Luật Tổ chức chính quyền địa phương; Điều 18, Điều 29, Điều 30 Luật khiếu nại; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H gồm:

- Bác yêu cầu khởi kiện Hủy Công văn số 575/UBND-TNMT ngày 22/6/2020 của Chủ tịch UBND huyện T, tỉnh Bắc Ninh về việc trả lời kiến nghị của công dân.

- Bác yêu cầu khởi kiện Yêu cầu UBND huyện T phải lập phương án bồi thường, hỗ trợ theo quy định của pháp luật đối với diện tích đất ao 720m^2 của gia đình bà H tại thôn D, xã N, huyện T, tỉnh Bắc Ninh.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí và thông báo quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 12/3/2021, người khởi kiện là bà Nguyễn Thị H có đơn kháng cáo toàn bộ bản án.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bà H và đại diện theo ủy quyền giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, nội dung kháng cáo, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà, hủy toàn bộ Công văn số 575/UBND-TNMT ngày 22/6/2020 của Chủ tịch UBND huyện T, tỉnh Bắc Ninh và yêu cầu UBND huyện T phải lập phương án bồi thường, hỗ trợ theo quy định của pháp luật đối với diện tích 720m^2 đất ao của gia đình bà tại thôn D, xã N, huyện T, tỉnh Bắc Ninh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội sau khi tóm tắt nội dung vụ án đã phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính, bác kháng cáo của của bà Nguyễn Thị H; giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng:

[1.1]. Ngày 18/9/2020, bà Nguyễn Thị H nộp đơn khởi kiện tại Tòa án yêu cầu hủy Văn bản số 575/UBND-TNMT ngày 22/6/2020 của Chủ tịch UBND huyện T (sau đây viết tắt là Văn bản số 575) về trả lời kiến nghị công dân và yêu cầu lập phương án bồi thường, hỗ trợ theo quy định là quyết định hành chính bị kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 3 và khoản 1 Điều 30 Luật tố tụng hành chính 2015.

Toà án nhân dân tỉnh Bắc Ninh thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền, đảm bảo về thời hiệu và điều kiện khởi kiện theo quy định tại khoản 4 Điều 32 và điểm a khoản 3 Điều 116 Luật tố tụng hành chính 2015.

[1.2]. Tại phiên tòa phúc thẩm, người bị kiện là Chủ tịch và UBND huyện T; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là thôn D vắng mặt, tuy nhiên họ đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, xét thấy việc vắng mặt của họ không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án, căn cứ quy định tại Điều 225 Luật tố tụng hành chính 2015, Tòa án tiến hành xét xử vụ án.

[2]. Xét kháng cáo của bà Nguyễn Thị H, Hội đồng xét xử (HĐXX) thấy:

[2.1]. Về hình thức của Văn bản số 575 của Chủ tịch UBND huyện T: Việc Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện T không ban hành Quyết định giải quyết khiếu

nại mà chỉ ban hành Văn bản trả lời đơn của công dân là chưa đúng về mặt hình thức theo quy định tại Điều 31 Luật khiếu nại, tuy nhiên, đây không phải là căn cứ để hủy quyết định hành chính, nhưng UBND huyện T cần rút kinh nghiệm về vấn đề này.

[2.2]. Về thẩm quyền ban hành Văn bản số 575:

Bà H có khiếu nại liên quan đến việc thu hồi đất, bồi thường giải phóng mặt bằng thực hiện dự án xây dựng hạ tầng khu nhà ở thôn D, xã N. Ngày 08/6/2018, Phòng tài nguyên và môi trường huyện T có Công văn số 54/CV-TNMT (sau đây viết tắt là Công văn số 54) về việc trả lời đơn kiến nghị của bà H. Không đồng ý với Công văn số 54, bà H tiếp tục có đơn khiếu nại đến Chủ tịch UBND huyện T. Ngày 22/6/2020, Chủ tịch UBND huyện T ban hành Văn bản số 575 về trả lời kiến nghị công dân là đúng thẩm quyền quy định tại Điều 29; Điều 57 Luật Tổ chức chính quyền địa phương và Điều 18 Luật khiếu nại.

[2.3]. Về trình tự, thủ tục ban hành Văn bản số 575:

Sau khi nhận được đơn khiếu nại của bà H đối với Công văn số 54/CV-TNMT ngày 08/6/2018 của Phòng tài nguyên và môi trường huyện T, Chủ tịch UBND huyện T đã có Văn bản số 46/UBND-BTCD giao Phòng tài nguyên và môi trường kiểm tra, xác minh, tham mưu Chủ tịch UBND huyện T giải quyết khiếu nại.

Quá trình giải quyết khiếu nại, Phòng tài nguyên và môi trường đã làm việc với bà H trình bày về nguồn gốc sử dụng đất; tổ chức xác minh nguồn gốc đất có khiếu nại với các cơ quan có liên quan, lấy ý kiến khu dân cư về nguồn gốc đất.

Ngày 17/6/2020, Phòng tài nguyên và môi trường huyện T đã có Báo cáo số 19/BC-TNMT về kết quả xác minh trả lời đơn đề nghị của bà Nguyễn Thị H.

Ngày 22/6/2020 Chủ tịch UBND huyện T ban hành Văn bản số 575 về trả lời kiến nghị công dân là đúng trình tự, thủ tục quy định tại Điều 29, 30 Luật khiếu nại năm 2011.

[2.4]. Về nội dung Văn bản số 575:

Bà H cho rằng phần diện tích khoảng 720m^2 đất ao cạnh đường tàu hỏa tại thôn D, xã N, huyện T, tỉnh Bắc Ninh có nguồn gốc là do ông cha để lại; gia đình bà sử dụng canh tác thả cá từ những năm 1953 đến nay không có tranh chấp với ai nhưng chưa kê khai cấp GCNQSD đất. Năm 1990, bà cho bà Nguyễn Thị C mượn để thả cá làm ăn kinh tế đến khi bị thu hồi. Tuy nhiên, bà H không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh quyền sử dụng hợp pháp của mình đối với phần đất ao nêu trên.

Tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện:

- Theo Bản đồ năm 1978, phần diện tích đất ao thuộc một phần thửa số 167, tờ bản đồ số 02, có diện tích 2.149m^2; Theo Bản đồ năm 1990, phần diện tích đất ao thuộc một phần thửa số 27, tờ bản đồ số 04; Theo Bản đồ năm 2004, phần diện

tích đất ao thuộc một phần thửa số 54, tờ bản đồ số 15, có diện tích 2.091m^2; Hồ sơ kỹ thuật thửa đất năm 2004 ghi chủ sử dụng đất là UBND xã N.

- Năm 2013, Ban quản lý thôn D có cho hộ bà Nguyễn Thị C thuê thầu để thả cá với thời hạn 05 năm theo hợp đồng kinh tế ngày 02/7/2013 có chữ ký xác nhận của các bên có liên quan. Quá trình sử dụng đất, bà C có nộp tiền thuê đất cho thôn D, đến năm 2016 giữa các bên đã có biên bản thanh lý hợp đồng thầu.

- Tại phiếu ý kiến khu dân cư lập ngày 04/5/2020 xác minh nguồn gốc và thời điểm sử dụng đất, những người hiểu biết về đất đai ở thôn đều cho rằng trước đây ông cha bà H có sử dụng khu vực ao ở "bãi chăn nuôi thôn D" (phần diện tích đất đang có kiến nghị) nhưng không xác định được thời điểm sử dụng đất ao của gia đình bà H và bà H không sử dụng đất ao.

- Tại biên bản làm việc ngày 27/4/2020 giữa Phòng tài nguyên và môi trường, Chủ tịch UBND xã N, cán bộ địa chính xã, cán bộ thuế xã và trưởng thôn D đã xác định nguồn gốc diện tích khoảng 720m^2 đất ao thuộc đất tập thể do UBND xã N quản lý, không có căn cứ xác định việc bà H sử dụng đất ổn định liên tục, lâu dài cho đến thời điểm bị thu hồi đất.

Kể từ sau khi Luật đất đai năm 1987 được ban hành, trải qua chính sách về đất đai qua các thời kỳ, chính quyền địa phương đã tổ chức cho người dân kê khai cấp GCNQSD đất nhưng suốt quá trình từ đó đến nay gia đình bà H chưa bao giờ làm thủ tục kê khai để được công nhận quyền sử dụng đất ao này. Bà Nguyễn Thị H không có một trong các giấy tờ quy định tại Điều 100 Luật đất đai năm 2013, không thuộc một trong các trường hợp quy định tại Điều 101 Luật đất đai năm 2013. Do đó, xác định bà Nguyễn Thị H không phải là chủ sử dụng đất tại thời điểm bị thu hồi đất, không được công nhận quyền sử dụng đất, không đủ điều kiện để được bồi thường về đất khi Nhà nước thu hồi đất; UBND huyện T thực hiện thu hồi phần đất ao (thuộc quản lý của UBND xã N) mà không lập phương án bồi thường, hỗ trợ cho gia đình bà Nguyễn Thị H là đúng quy định tại Điều 75 Luật đất đai.

Vì vậy, Văn bản số 575 của Chủ tịch UBND huyện T có nội dung trả lời kiến nghị công dân trong đó xác định không có cơ sở bồi thường theo yêu cầu của bà H là phù hợp với quy định của pháp luật. Do đó, yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H là không có cơ sở chấp nhận.

[3]. Tại phiên tòa phúc thẩm, bà H không xuất trình được tài liệu, chứng cứ chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình là có căn cứ. Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về việc không chấp nhận kháng cáo của bà H và giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm là có cơ sở, phù hợp với nhận định của HĐXX.

[4]. Về án phí: Do kháng cáo không được chấp nhận nên bà Nguyễn Thị H phải chịu án phí hành chính phúc thẩm theo quy định pháp luật. Tuy nhiên, do bà H là người cao tuổi (sinh năm 1945) và có đơn xin miễn án phí nên căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, HĐXX miễn án phí cho bà H.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật tố tụng hành chính năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Bác kháng cáo của bà Nguyễn Thị H; Giữ nguyên quyết định tại Bản án hành chính sơ thẩm số 05/2021/HC-ST ngày 03/3/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh.

2. Miễn án phí hành chính sơ thẩm, án phí hành chính phúc thẩm cho bà Nguyễn Thị H.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- *VKSNDCC tại Hà Nội;*
- *TAND tỉnh Bắc Ninh;*
- *VKSND tỉnh Bắc Ninh;*
- *Cục THADS tỉnh Bắc Ninh;*
- *Các đương sự (theo đ/c);*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Phạm Văn Tuyển